

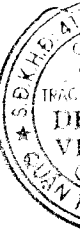
**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN
VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Bùi Minh Tiến	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 05 tháng 01 năm 2011)
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2011)
Ông Cao Hoài Dương	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2011)
Ông Phạm Đăng Nam	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2011)
Ông Bùi Quang Hưng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Hòa	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Hoài Dương	Tổng Giám đốc
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2011)
Ông Nguyễn Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2011)
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tòng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Chu Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Tòng
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 05 tháng 3 năm 2012
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Số: 894/2012/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 26. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

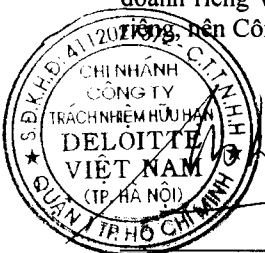
Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 2 và 4 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được lập chỉ nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Đây là báo cáo tài chính riêng của Công ty đã hạch toán các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết theo phương pháp giá gốc.



Trần Đình Nghi Hạ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 05 tháng 3 năm 2012
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Phạm Văn Tân
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0401/KTV

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011		31/12/2010	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		5.464.356.634.668		3.844.444.364.716	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.633.780.353.239		2.876.483.097.099	
1. Tiền	111		258.780.353.239		88.483.097.099	
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.375.000.000.000		2.788.000.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		202.000.000.000		25.000.000.000	
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	202.000.000.000		25.000.000.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		478.597.862.736		291.992.118.625	
1. Phải thu của khách hàng	131		209.522.866.280		14.684.146.491	
2. Trả trước cho người bán	132		119.856.679.429		105.466.633.264	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-		105.647.033.838	
4. Các khoản phải thu khác	135	7	158.555.158.976		66.377.346.981	
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.336.841.949)		(183.041.949)	
IV. Hàng tồn kho	140	8	1.021.525.646.645		568.339.288.553	
1. Hàng tồn kho	141		1.028.619.849.295		568.339.288.553	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.094.202.650)		-	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		128.452.772.048		82.629.860.439	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.838.427.664		10.351.032.143	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		113.211.738.860		61.542.163.173	
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.402.605.524		10.736.665.123	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		3.590.872.373.635		3.297.663.668.488	
I. Tài sản cố định	220		1.981.355.639.587		1.498.868.700.324	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.059.679.571.214		761.321.147.926	
- Nguyên giá	222		6.566.922.568.601		6.134.127.922.277	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.507.242.997.387)		(5.372.806.774.351)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	627.804.437.666		27.555.900.904	
- Nguyên giá	228		809.684.068.355		199.325.526.875	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(181.879.630.689)		(171.769.625.971)	
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	293.871.630.707		709.991.651.494	
II. Bất động sản đầu tư	240	12	308.492.302.434		260.997.855.414	
- Nguyên giá	241		322.137.485.168		263.664.026.037	
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(13.645.182.734)		(2.666.170.623)	
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.029.048.157.921		1.226.251.357.921	
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	466.456.800.000		892.660.000.000	
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	519.000.000.000		20.000.000.000	
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	43.591.357.921		313.591.357.921	
IV. Tài sản dài hạn khác	260		271.976.273.693		311.545.754.829	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	260.021.060.620		296.600.179.592	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	11.823.362.873		14.813.075.437	
3. Tài sản dài hạn khác	268		131.850.200		132.499.800	
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		9.055.229.008.303		7.142.108.033.204	

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận I

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		817.255.753.520	1.039.824.634.016
I. Nợ ngắn hạn	310		803.920.238.961	778.752.651.382
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	82.029.192.368
2. Phải trả người bán	312		335.512.607.275	347.493.535.145
3. Người mua trả tiền trước	313		14.581.571.175	19.639.300.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	88.609.868.041	47.852.850.247
5. Phải trả người lao động	315		80.014.768.234	43.123.221.554
6. Chi phí phải trả	316	19	157.644.838.303	182.976.389.083
7. Phải trả nội bộ	317		-	20.719.981.292
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		50.859.750.751	12.460.169.186
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		76.696.835.182	22.458.012.507
II. Nợ dài hạn	330		13.335.514.559	261.071.982.634
1. Vay và nợ dài hạn	334	20	-	246.087.577.105
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		8.466.986.977	9.444.356.903
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		4.868.527.582	5.540.048.626
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		8.237.973.254.783	6.102.283.399.188
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	8.237.973.254.783	6.102.283.399.188
1. Vốn điều lệ	411		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(83.961.341.647)	(83.277.130.627)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(835.361.854)	310.231.342
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.407.397.263.345	835.237.972.349
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		488.321.761.273	333.085.317.442
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.627.050.933.666	1.216.927.008.682
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		9.055.229.008.303	7.142.108.033.204



Nguyễn Văn Tông
 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 05 tháng 3 năm 2012

Huỳnh Kim Nhân
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7.655.679.058.679	4.776.554.836.067
2. Các khoản giảm trừ	02		53.659.186.136	40.946.100.937
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	7.602.019.872.543	4.735.608.735.130
4. Giá vốn hàng bán	11	22	3.798.294.922.197	2.596.760.833.227
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.803.724.950.346	2.138.847.901.903
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	598.035.818.598	356.304.242.378
7. Chi phí tài chính	22	25	68.794.763.342	79.986.692.661
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>25.377.064.463</i>	<i>7.633.940.298</i>
8. Chi phí bán hàng	24		461.540.749.528	298.770.119.631
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		441.512.649.319	329.949.510.920
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=(20+21)-22-24-25)	30		3.429.912.606.755	1.786.445.821.069
11. Thu nhập khác	31		24.678.833.123	13.232.506.903
12. Chi phí khác	32		13.714.591.305	2.698.533.388
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		10.964.241.818	10.533.973.515
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.440.876.848.573	1.796.979.794.584
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	317.708.671.428	176.936.737.983
16. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại	52		2.989.712.564	(12.779.656.650)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.120.178.464.581	1.632.822.713.251



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 05 tháng 3 năm 2012

(Signature)
Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**MẪU B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.440.876.848.573	1.796.979.794.584
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	172.114.953.111	673.180.983.042
Các khoản dự phòng	03	7.094.202.650	60.995.585
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện (Lãi) từ hoạt động đầu tư	04	-	10.065.177.076
Chi phí lãi vay	05	(594.859.433.769)	(262.610.144.144)
	06	25.377.064.463	7.633.940.298
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.050.603.635.028	2.225.310.746.441
(Tăng) các khoản phải thu	09	(57.354.403.986)	(144.041.136.225)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(460.280.560.742)	(21.556.902.730)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	(27.974.286.308)	349.694.799.167
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	35.091.723.451	(5.185.542.375)
Tiền lãi vay đã trả	13	(25.377.064.463)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(280.618.701.902)	(236.371.210.251)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	6.687.287.644	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(173.128.042.095)	(101.020.146.709)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.067.649.586.627	2.066.830.607.318
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(730.632.653.197)	(757.597.161.880)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	-	165.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(177.000.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(361.798.800.000)	(106.539.115.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	502.908.424.557	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	552.677.656.877	286.313.394.634
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(213.845.371.763)	(577.657.882.246)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(14.180.236.055)	(39.981.041.328)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	101.077.418.222
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(328.116.769.473)	-
4. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(753.064.360.000)	(870.072.707.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.095.361.365.528)	(808.976.330.406)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	758.442.849.336	680.196.394.666
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.876.483.097.099	2.196.286.702.433
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.145.593.196)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3.633.780.353.239	2.876.483.097.099

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua tài sản cố định trong năm không bao gồm 85.257.649.151 đồng là số tiền mua sắm tài sản cố định chưa được thanh toán, và bao gồm 44.141.948.337 đồng là giá trị tài sản mua năm trước nhưng thanh toán trong năm nay và 57.795.494.652 đồng là tiền ứng trước để mua tài sản cố định trong năm sau. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần các khoản phải trả, và các khoản phải thu.

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần ("Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi ngày 15 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2008 theo Nghị quyết số 01/NĐ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông Công ty trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, các Ban quản lý dự án và Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 5 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là DPM.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 61,37% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.144 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.137 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác; các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Sản xuất kinh doanh điện; Kinh doanh bất động sản, mua bán hàng nông lâm sản, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản và đào tạo nghề.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc và báo cáo văn phòng Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần. Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong Công ty được loại trừ khi trình bày báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty; vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 28.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

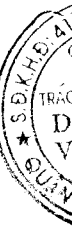
Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền trừ giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị sổ sách của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 (thay thế Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003) do Bộ Tài chính ban hành và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

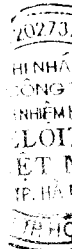
Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì doanh nghiệp được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì doanh nghiệp được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị bản quyền sáng chế, giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bản quyền sáng chế và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, Thành phố Hồ Chí Minh; Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; và Khách sạn Sao Phương Bắc tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Quyền sử dụng đất	44 - 50
Công trình kiến trúc	25

Công ty không trích khấu hao cho bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất của Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, Thành phố Hồ Chí Minh vì quyền sử dụng đất này là không thời hạn.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được xác định giá trị ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được xác định giá trị ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất, chi phí lợi thế kinh doanh, vật tư phụ tùng thay thế, chi phí đào tạo học viên cho Nhà máy Đạm Cà Mau và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với số tiền 531.700.794.477 đồng và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 6 năm từ ngày 1 tháng 1 năm 2007. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, việc phân bổ lợi thế kinh doanh trong thời gian 6 năm là phù hợp quy định về tài chính đối với doanh nghiệp cổ phần hóa của Nhà nước, cũng như phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất.

Vật tư, phụ tùng thay thế tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm, phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất.

Chi phí đào tạo học viên cho Nhà máy Đạm Cà Mau được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh nhưng chưa được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, dự kiến Công ty sẽ ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi quyết toán chi phí trước hoạt động của Nhà máy Đạm Cà Mau.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 1,5 đến 2 năm, và tiền thuê đã trả trước được phân bổ tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn, lãi nhận được từ các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, trong đó lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu ngắn hạn và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tăng 835.361.854 đồng (năm 2010: giảm 310.231.342 đồng) và khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 thay đổi một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS10.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Đối với hoạt động kinh doanh phân đạm sản xuất tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004) và giảm 50% cho bảy năm tiếp theo (năm 2008). Năm 2011 là năm thứ tư Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động chính do đây là năm thứ tám kinh doanh có lãi (kể từ khi đi vào hoạt động).

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.488.798.500	1.288.972.826
Tiền gửi ngân hàng	257.291.554.739	87.194.124.273
Các khoản tương đương tiền	3.375.000.000.000	2.788.000.000.000
	<u>3.633.780.353.239</u>	<u>2.876.483.097.099</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 6%/năm đến 14%/năm.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại	25.000.000.000	25.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI)	177.000.000.000	-
	<u>202.000.000.000</u>	<u>25.000.000.000</u>

Đầu tư ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 13,5%/năm, và các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại PVFI được gia hạn đến 31 tháng 12 năm 2012 với lãi suất 2,4%/năm.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng vốn điều lệ cho Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC Mekong)	80.000.000.000	-
Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	54.677.916.668	24.247.891.668
Khác	23.877.242.308	42.129.455.313
	<u>158.555.158.976</u>	<u>66.377.346.981</u>

Theo thông báo số 8606/TB-DKVN ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam, Công ty tạm ứng vốn điều lệ vào cho Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC Mekong) để thực hiện dự án Tòa nhà Cao ốc Bạc Liêu.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi trên đường	69.823.891.557	64.496.408.239
Nguyên liệu, vật liệu	316.303.313.794	237.357.143.166
Công cụ, dụng cụ	4.848.260.085	2.046.691.861
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	38.953.701.976	9.861.228.348
Thành phẩm	129.190.073.743	89.439.656.697
Hàng hóa	469.500.608.140	165.138.160.242
	1.028.619.849.295	568.339.288.553
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.094.202.650)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	1.021.525.646.645	568.339.288.553

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc, thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2011	769.697.321.559	5.263.535.898.234	66.221.754.197	34.672.948.287	6.134.127.922.277
Mua trong năm	2.531.986.036	17.276.990.759	8.952.749.545	23.655.108.927	52.416.835.267
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	399.476.049.754	663.049.321	-	7.639.292.496	407.778.391.571
Tặng khác	-	-	1.664.197.273	1.192.089.739	2.856.287.012
Góp vốn vào Công ty con	-	-	(30.152.622.493)	-	(30.152.622.493)
Giảm khác	-	-	-	(104.245.033)	(104.245.033)
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.171.705.357.349</u>	<u>5.281.475.938.314</u>	<u>46.686.078.522</u>	<u>67.055.194.416</u>	<u>6.566.922.568.601</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2011	536.822.355.886	4.771.183.604.878	51.869.073.270	12.931.740.317	5.372.806.774.351
Khấu hao trong năm	43.543.252.974	90.913.648.732	3.843.262.157	14.015.652.291	152.315.816.154
Tặng khác	-	-	272.653.756	621.424.038	894.077.794
Góp vốn vào Công ty con	-	-	(17.483.791.040)	-	(17.483.791.040)
Giảm khác	(1.289.879.872)	-	-	-	(1.289.879.872)
Tại ngày 31/12/2011	<u>579.075.728.988</u>	<u>4.862.097.253.610</u>	<u>38.501.198.143</u>	<u>27.568.816.646</u>	<u>5.507.242.997.387</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	<u>592.629.628.361</u>	<u>419.378.684.704</u>	<u>8.184.880.379</u>	<u>39.486.377.770</u>	<u>1.059.679.571.214</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>232.874.965.673</u>	<u>492.352.293.356</u>	<u>14.352.680.927</u>	<u>21.741.207.970</u>	<u>761.321.147.926</u>

Cao ốc văn phòng 43 Mạc Đĩnh Chi đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng vào ngày 01 tháng 08 năm 2011 với giá trị tạm tính là 842.826.174.063 đồng. Trong đó, giá trị xây lắp tạm tính là 270.959.052.384 đồng được ghi nhận tăng tài sản cố định hữu hình, và giá trị quyền sử dụng đất tạm tính là 571.867.121.679 đồng được ghi nhận tăng tài sản cố định vô hình trong năm 2011, giá trị tài sản cố định tạm tăng và chi phí khấu hao phát sinh tương ứng sẽ được điều chỉnh khi chi phí đầu tư công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hiện tại, một phần Cao ốc Văn phòng 43 Mạc Đĩnh Chi được thuê bởi Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam (Công ty con của Công ty). Tuy nhiên, do diện tích cho thuê chưa được xác định một cách chính xác nên Công ty tạm thời chưa ghi nhận bất động sản đầu tư của phần diện tích cho thuê tại Tòa nhà 43 Mạc Đĩnh Chi.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 5.334.205.422.387 đồng (31/12/2010: 5.286.727.107.567 đồng).

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền VND	Phần mềm VND	Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2011	12.406.575.000	159.117.493.074	18.263.140.769	9.538.318.032	199.325.526.875
Mua trong năm	-	-	4.828.972.118	43.636.364	4.872.608.482
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	571.867.121.679	12.323.643.983	21.295.167.336	-	605.485.932.998
Tại ngày 31/12/2011	<u>584.273.696.679</u>	<u>171.441.137.057</u>	<u>44.387.280.223</u>	<u>9.581.954.396</u>	<u>809.684.068.355</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2011	-	159.117.493.074	3.113.814.865	9.538.318.032	171.769.625.971
Khấu hao trong năm	-	2.464.728.796	7.644.678.164	597.758	10.110.004.718
Tại ngày 31/12/2011	-	<u>161.582.221.870</u>	<u>10.758.493.029</u>	<u>9.538.915.790</u>	<u>181.879.630.689</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	<u>584.273.696.679</u>	<u>9.858.915.187</u>	<u>33.628.787.194</u>	<u>43.038.606</u>	<u>627.804.437.666</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>12.406.575.000</u>	-	<u>15.149.325.904</u>	-	<u>27.555.900.904</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 168.792.861.106 đồng (31/12/2010: 168.710.811.106 đồng).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Kho Cảng Cái Cui - Cần Thơ	122.575.593.205	96.023.047.507
Kho An Giang	40.907.321.778	-
Kho Nam Phát - Tiền Giang	34.854.969.899	-
Kho Gia Lai	25.242.660.028	12.677.660.028
Dự án Amoniac	24.397.090.908	-
Kho Tây Ninh	15.126.000.000	4.510.000.000
Công trình 43 Mạc Đĩnh Chi	5.732.174.223	432.199.782.107
Hệ thống ERP	-	26.286.284.628
Kho Vũng Áng	-	25.011.558.283
Kho Nghi Sơn	-	23.224.572.032
Các công trình khác	25.035.820.666	90.058.746.909
	<u>293.871.630.707</u>	<u>709.991.651.494</u>

Theo Quyết định số 751/QĐ-PBHC ngày 27 tháng 7 năm 2009, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư kho cảng Cái Cui - Cần Thơ (Kho cảng tổng hợp 20.000 DWT) tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ (giai đoạn 1) với tổng mức đầu tư là 347.112.911.828 đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 173.613.663.132 đồng, trong năm Công ty đã đưa vào sử dụng Nhà kho Cawaco với nguyên giá tạm tăng là 51.038.069.927 đồng.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	99.499.152.000	164.164.874.037	263.664.026.037
Mua trong năm	24.500.000.000	33.973.459.131	58.473.459.131
Tại ngày 31/12/2011	<u>123.999.152.000</u>	<u>198.138.333.168</u>	<u>322.137.485.168</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	684.138.123	1.982.032.500	2.666.170.623
Khấu hao trong năm	962.302.573	8.726.829.666	9.689.132.239
Tăng khác	-	1.289.879.872	1.289.879.872
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.646.440.696</u>	<u>11.998.742.038</u>	<u>13.645.182.734</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	<u>122.352.711.304</u>	<u>186.139.591.130</u>	<u>308.492.302.434</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>98.815.013.877</u>	<u>162.182.841.537</u>	<u>260.997.855.414</u>

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Hồ Chí Minh; Siêu thị, cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; và Khách sạn Sao Phương Bắc tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai. Trong đó, toàn bộ Tòa nhà Đông Tây được Công ty cho Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam (Công ty con của Công ty) thuê lại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do Công ty không có ý định bán hay chuyển nhượng lại trong tương lai gần.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	31/12/2011	31/12/2010	Hoạt động chính
			VND	VND	
Công ty Cổ phần Phân bón hóa chất dầu khí Miền Trung	Tỉnh Bình Định	75	75.000.000.000	80.000.000.000	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ	TP. Cần Thơ	75	127.500.000.000	100.000.000.000	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	TP. Hồ Chí Minh	75	93.750.000.000	85.000.000.000	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón hóa chất dầu khí Miền Bắc	TP. Hà Nội	75	90.000.000.000	65.000.000.000	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	51	21.410.000.000	21.410.000.000	Sản xuất bao bì
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà dầu khí Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	81	58.796.800.000	41.250.000.000	Đầu tư kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Phân bón và Hóa chất dầu khí	TP. Hồ Chí Minh	-	-	500.000.000.000	Kinh doanh phân bón và hóa chất
			<u>466.456.800.000</u>	<u>892.660.000.000</u>	

Theo Nghị quyết số 1929/NQ-DKVN ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng Công ty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí - Công ty cổ phần, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển đổi các công ty con thành công ty cổ phần. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty còn sở hữu 75% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 100%) tại Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ và Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Miền Bắc.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Theo Quyết định số 16/NQ-PBHC ngày 12 tháng 1 năm 2011, Công ty đã thực hiện giải thể Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Phân bón và Hóa chất dầu khí, công ty con mà Công ty sở hữu 100% vốn. Theo đó, Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Phân bón và Hóa chất dầu khí chính thức chuyển đổi thành Chi nhánh Tổng Công ty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí - Công ty cổ phần căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303165480-010 ngày 28 tháng 1 năm 2011. Tuy nhiên, việc bàn giao tài sản, vốn và lao động giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Phân bón và Hóa chất dầu khí đã được thực hiện theo quyết định số 265/QĐ-PBHC đề ngày 1 tháng 4 năm 2011 với số liệu bàn giao là số liệu sổ sách tại ngày 1 tháng 4 năm 2011.

Theo Quyết định số 335/NQ-PBHC ngày 5 tháng 10 năm 2011 của Hội đồng Quản trị, Công ty góp thêm 17.248.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền nam bằng giá trị một số tài sản cố định là các phương tiện vận tải. Theo đó, Công ty sở hữu 5.879.680 cổ phần tương ứng với tỷ lệ đầu tư là 81% tại Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền nam kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2011.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	31/12/2011 VND	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị dầu khí (PVC-Mekong)	TP. Cà Mau	20	20.000.000.000	Thi công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)	TP. Hải Phòng	25	499.000.000.000	Sản xuất và kinh doanh xơ sợi Polyeste
			519.000.000.000	

Theo Quyết định số 192/QĐ- PBHC ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Hội đồng Quản trị, Công ty mua thêm 18.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Hóa dầu và xơ sợi dầu khí (PVTEX) từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) với tổng giá trị là 180 tỷ đồng. Theo đó, Công ty sở hữu 45.000.000 cổ phần tương ứng với tỷ lệ đầu tư là 25% kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2011.

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/NQ-PVTEX/DHDCD/2011 ngày 25 tháng 03 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên PVTEX, các cổ đông đồng ý tăng vốn điều lệ của PVTEX thêm 196 tỷ đồng. Do đó, Công ty đã góp bổ sung 49 tỷ đồng, tương ứng 25% của phần vốn tăng thêm của PVTEX trong năm 2011.

Tại ngày 31/12/2011, theo số liệu Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Hóa dầu và xơ sợi dầu khí (PVTEX), tài sản thuần của PVTEX là 1.769 tỷ đồng, thấp hơn số vốn đã góp của các chủ sở hữu (1.958 tỷ đồng) là 189 tỷ đồng, nguyên nhân chính là khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện với số tiền (281) tỷ đồng, theo kế hoạch khoản chênh lệch tỷ giá này sẽ được phân bổ dần vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của PVTEX trong thời gian tối đa không quá 5 năm; Bên cạnh đó, tại thời điểm lập báo cáo, PVTEX vẫn đang trong giai đoạn chạy thử trước hoạt động, nhà xưởng và dây chuyền sản xuất đang trong giai đoạn đầu tư. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và xơ sợi dầu khí.

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và xơ sợi dầu khí (PVTEX)	-	270.000.000.000
Khác	43.591.357.921	43.591.357.921
	43.591.357.921	313.591.357.921

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư dài hạn và không có khoản đầu tư nào giảm giá do vậy Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trả trước tiền thuê đất	5.618.251.495	6.180.076.651
Lợi thế kinh doanh	88.616.799.064	177.233.598.148
Vật tư, phụ tùng thay thế	61.700.077.851	77.125.097.319
Chi phí đào tạo học viên cho Nhà máy đạm Cà Mau	69.469.257.424	32.107.384.773
Chi phí trả trước dài hạn khác	34.616.674.786	3.954.022.701
	<u>260.021.060.620</u>	<u>296.600.179.592</u>

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước.

	Dự phòng trợ	Doanh thu chưa	Lợi nhuận	Chi phí trích	Tổng cộng
	cấp thôi việc	thực hiện	chưa thực hiện	trước	
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 1/1/2010	545.148.875	(465.867.725)	-	1.954.137.637	2.033.418.787
Ghi nhận trong năm	(545.148.875)	1.850.879.882	613.429.889	10.860.495.754	12.779.656.650
Tại ngày 1/1/2011	-	1.385.012.157	613.429.889	12.814.633.391	14.813.075.437
Ghi nhận trong năm	-	(1.385.012.157)	(613.429.889)	(991.270.518)	(2.989.712.564)
Tại ngày 31/12/2011	-	-	-	11.823.362.873	11.823.362.873

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	83.398.140.810	46.308.171.284
Thuế thu nhập cá nhân	5.201.767.490	1.544.678.963
Các loại thuế khác	9.959.741	-
	<u>88.609.868.041</u>	<u>47.852.850.247</u>

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định 2011	-	147.231.991.964
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định 2013	72.380.000.000	-
Chi phí an sinh xã hội	38.283.665.997	11.092.663.603
Khác	46.981.172.306	24.651.733.516
	<u>157.644.838.303</u>	<u>182.976.389.083</u>

Trong năm 2011, Công ty đã trích trước 72.380.000.000 đồng cho chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa Nhà máy Đạm Phú Mỹ trong năm 2013.

Theo quyết định 1762/QĐ-DKVN ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty trích lập quỹ an sinh xã hội 150 tỷ đồng để thực hiện chương trình an sinh xã hội của toàn tập đoàn trong năm 2011. Tại 31 tháng 12 năm 2011, chi phí an sinh xã hội chưa được chuyển cho các đối tượng nhận hỗ trợ là 38.283.665.997 đồng.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

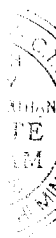
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***20. VAY DÀI HẠN**

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Á Châu và Tổng Công ty CP Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	-	246.087.577.105
	<u>-</u>	<u>246.087.577.105</u>

Khoản vay của Công ty theo Hợp đồng tín dụng số 60095579 ngày 29 tháng 5 năm 2009 với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu (PVFC - Vũng Tàu) và Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) với số tiền vay là 23.905.925 Đô la Mỹ, trong đó ACB cho vay 7.200.000 Đô la Mỹ, PVFC - Vũng Tàu cho vay 16.705.925 Đô la Mỹ. Mục đích của khoản vay là thanh toán chi phí đầu tư Hệ thống thu hồi CO2 từ khói thải Primary Reformer nâng công suất Nhà máy Đạm Phú Mỹ từ 740.000 tấn lên 800.000 tấn Urea /năm. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư nợ vay của hợp đồng này là 17.331.332 đô la Mỹ tương đương 328.116.769.473 đồng. Trong đó, ACB là 5.199.302 đô la Mỹ tương đương 98.433.190.955 đồng và PVFC - Vũng Tàu là 12.132.029 đô la Mỹ tương đương 229.683.578.518 đồng. Các khoản vay này đã được thanh toán trước hạn trong năm 2011.



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MÃU B 09-DN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

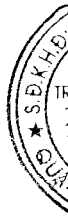
Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 1/1/2010	3.800.000.000.000	(43.296.089.299)	310.157.521	291.045.353.197	194.258.112.775	1.188.655.706.062	5.430.973.240.256
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.632.822.713.251	1.632.822.713.251
Cổ phiếu quỹ mua trong năm	-	(39.981.041.328)	-	-	-	-	(39.981.041.328)
Trích từ lợi nhuận	-	-	-	528.346.030.875	128.110.079.818	(732.905.990.631)	(76.449.879.938)
Kết chuyển nguồn	-	-	-	16.075.687.277	10.717.124.849	-	26.792.812.126
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(871.645.420.000)	(871.645.420.000)
Khác	-	-	73.821	(229.099.000)	-	-	(229.025.179)
Số dư tại 31/12/2010	3.800.000.000.000	(83.277.130.627)	310.231.342	835.237.972.349	333.085.317.442	1.216.927.008.682	6.102.283.399.188
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	3.120.178.464.581	3.120.178.464.581
Cổ phiếu quỹ mua trong năm (1)	-	(684.211.020)	-	-	-	-	(684.211.020)
Trích từ lợi nhuận (2)	-	-	-	572.159.290.996	155.236.443.831	(727.395.734.827)	-
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(227.366.864.770)	(227.366.864.770)
Trả cổ tức (3)	-	-	-	-	-	(755.291.940.000)	(755.291.940.000)
Tặng (giảm) khác	-	-	(1.145.593.196)	-	-	-	(1.145.593.196)
Số dư tại 31/12/2011	3.800.000.000.000	(83.961.341.647)	(835.361.854)	1.407.397.263.345	488.321.761.273	2.627.050.933.666	8.237.973.254.783

(1): Trong năm, Công ty đã thực hiện mua tổng số 28.540 cổ phiếu quỹ với giá bình quân mua vào là 23.974 đồng/ cổ phiếu.

(2): Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập các Quỹ Đầu tư phát triển và Quỹ Dự phòng tài chính của Công ty với số tiền tương ứng 572.159.290.996 đồng và 155.236.443.831 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 09 tháng 4 năm 2011. Quỹ Khen thưởng phúc lợi trích lập trong năm bao gồm 119.785.690.852 đồng bổ sung từ lợi nhuận năm 2010 và 107.581.173.918 đồng tạm trích từ lợi nhuận năm 2011.

(3): Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 09 tháng 4 năm 2011, Công ty công bố và chi trả cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 755.295.480.000 đồng (2.000 đồng/cổ phần). Trong đó chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 (thực hiện trong Quý 3/2010) là 377.647.740.000 đồng (1.000 đồng/cổ phần). Ngày 21 tháng 4 năm 2011, Công ty công bố về việc chi trả cổ tức đợt 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 sau khi trích lập các quỹ với số tiền 377.647.740.000 đồng. Ngày 25 tháng 8 năm 2011, Công ty đã công bố về việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 với mức 1.000 đồng/ cổ phần (10% mệnh giá), theo đó, Công ty đã tạm trích 377.644.200.000 đồng.



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty như sau:

Cổ đông	Tỷ lệ (%)	31/12/2011 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	61,37	2.332.042.530.000
Các cổ đông khác	38,63	1.467.957.470.000
	100,00	3.800.000.000.000

Số lượng cổ phần Công ty đăng ký và đã phát hành ra công chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 380.000.000 cổ phần, trong đó Công ty đang nắm giữ 2.380.800 cổ phiếu quỹ tương đương với 2.380.800 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần thường. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị thuần của Công ty.

22. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN

	Kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước VND	Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu VND	Tổng cộng VND
Năm 2011			
Doanh thu	6.743.897.263.643	858.122.608.900	7.602.019.872.543
Giá vốn hàng bán	2.961.065.703.397	837.229.218.800	3.798.294.922.197
Lợi nhuận gộp	3.782.831.560.246	20.893.390.100	3.803.724.950.346
Năm 2010			
Doanh thu	4.692.304.090.466	43.304.644.664	4.735.608.735.130
Giá vốn hàng bán	2.555.839.748.179	40.921.085.048	2.596.760.833.227
Lợi nhuận gộp	2.136.464.342.287	2.383.559.616	2.138.847.901.903

Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

	2011 VND	2010 VND
Doanh thu Ure	6.242.801.579.888	4.508.705.348.029
Doanh thu Amoniac	36.273.170.013	186.892.922.108
Doanh thu điện	7.682.902.076	10.201.609.113
Doanh thu khác	510.798.797.802	27.450.312.153
	6.797.556.449.779	4.733.250.191.403
Chiết khấu thương mại	53.659.186.136	40.946.100.937
	6.743.897.263.643	4.692.304.090.466

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2011 VND	2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.173.695.813.486	1.580.402.261.150
Chi phí nhân công	320.666.105.255	227.554.464.285
Chi phí khấu hao tài sản cố định	172.114.953.111	673.180.983.042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	430.981.958.254	433.672.098.150
Chi phí khác	549.616.426.043	353.699.151.007
	3.647.075.256.150	3.268.508.957.634

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2011	2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi	448.555.064.135	272.338.659.153
Cổ tức, lợi nhuận được chia	141.725.201.087	83.657.226.279
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.755.473.997	-
Khác	79.379	308.356.946
	<u>598.035.818.598</u>	<u>356.304.242.378</u>

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011	2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	25.377.064.463	7.633.940.298
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	39.067.463.965	62.278.698.560
Khác	4.350.234.914	10.074.053.803
	<u>68.794.763.342</u>	<u>79.986.692.661</u>

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2011	2010
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	317.645.112.808	176.936.737.983
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước bổ sung	63.558.620	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>317.708.671.428</u>	<u>176.936.737.983</u>

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, lịch thanh toán các khoản cam kết thuê như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	7.188.223.094	12.873.721.961
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	27.565.696.375	22.924.219.188
Sau năm năm	31.795.489.104	28.702.378.545
	<u>66.549.408.572</u>	<u>64.500.319.694</u>

Từ ngày 3 tháng 9 năm 2005, Công ty đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 1 tháng 6 năm 2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho việc thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 3 tháng 9 năm 2004 với tiền thuê và phí sử dụng hạ tầng phải trả hàng năm là 378.392 đô la Mỹ/năm.

Ngày 1 tháng 11 năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng thuê văn phòng ở Campuchia với thời hạn 3 năm và tiền thuê hàng tháng là 1.500 đô la Mỹ/tháng.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.633.780.353.239	2.876.483.097.099
Phải thu khách hàng và phải thu khác	287.894.983.307	184.765.026.757
Đầu tư ngắn hạn	202.000.000.000	25.000.000.000
Đầu tư dài hạn	43.591.357.921	313.591.357.921
Tài sản tài chính khác	151.850.200	6.839.137.844
Tổng cộng	<u>4.167.418.544.667</u>	<u>3.406.678.619.621</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	328.116.769.473
Phải trả người bán và phải trả khác	375.712.089.362	372.240.996.959
Chi phí phải trả	157.644.838.303	182.976.389.083
Tổng cộng	<u>533.356.927.665</u>	<u>883.334.155.515</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	4.260.029.420	597.806.637.247	147.465.726.357	1.755.187.612
Euro (EUR)	150.052.595	-	39.588.091	40.793.413
Đô la Singapore (SGD)	-	-	-	6.619.819

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Quản lý rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

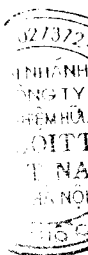
Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
31/12/2011			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	375.712.089.362	-	375.712.089.362
Chi phí phải trả	157.644.838.303	-	157.644.838.303
Tổng cộng	533.356.927.665	-	533.356.927.665
31/12/2010			
Các khoản vay	82.029.192.368	246.087.577.105	328.116.769.473
Phải trả người bán và phải trả khác	372.240.996.959	-	372.240.996.959
Chi phí phải trả	182.976.389.083	-	182.976.389.083
Tổng cộng	637.246.578.410	246.087.577.105	883.334.155.515

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.633.780.353.239	-	3.633.780.353.239
Phải thu khách hàng và phải thu khác	287.894.983.307	-	287.894.983.307
Đầu tư ngắn hạn	202.000.000.000	-	202.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	43.591.357.921	43.591.357.921
Tài sản tài chính khác	20.000.000	131.850.200	151.850.200
Tổng cộng	4.123.695.336.546	43.723.208.121	4.167.418.544.667
31/12/2010			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.876.483.097.099	-	2.876.483.097.099
Phải thu khách hàng và phải thu khác	184.765.026.757	-	184.765.026.757
Đầu tư ngắn hạn	25.000.000.000	-	25.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	313.591.357.921	313.591.357.921
Tài sản tài chính khác	6.706.638.044	132.499.800	6.839.137.844
Tổng cộng	3.092.954.761.900	313.723.857.721	3.406.678.619.621

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 05 tháng 3 năm 2012

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng